

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **602/2019/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 11 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 144; Khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 631/2019/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972 và chị **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1977; cùng đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: số 23, ngõ 491 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

[2] Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Kim T có Giấy chứng nhận kết hôn số: 83; quyển số: I/2000 ngày 25 tháng 4 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Nguyễn Văn T** và chị **Phạm Thị Kim T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu **Nguyễn Việt A**, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2001 và cháu **Nguyễn Nam A**, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2006, giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nam A. Đối với cháu Việt A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nam A hai bên tự thỏa thuận.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

- Về vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 5970 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long